

Bản án số: 61/2023/DS-PT
Ngày: 19-4-2023

*V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản là
chi phí đầu tư, chăm sóc và thành
quả lao động trên đất*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Hiệp

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Bích Thủy

Bà Lê Hồng Hạnh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 12 và ngày 19/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2023/TLST-DS, ngày 27/02/2023, về việc “*Tranh chấp kiện đòi tài sản là chi phí đầu tư, chăm sóc và thành quả lao động trên đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐPT-DS ngày 04 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Hồng L, sinh năm 1958; cư trú tại: 371/28 H, phường V, Quận 3, Tp. H

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1981; cư trú tại: Căn hộ A 1408, tầng 14, khu căn hộ cao cấp Quốc Cường – 421 Trần Xuân Soạn, khu phố 1, phường Tân Kiểng, Quận 7, Tp. H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Quách Kim H, sinh năm 1966; cư trú tại: 258/17/24, Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. H

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hồng:

Bà Phạm Hồng L, sinh năm 1958, là nguyên đơn trong vụ án; cư trú tại: 371/28 H, phường V, Quận 3, TP H.

Công ty trách nhiệm hữu hạn A, địa chỉ trụ sở: số 371/28 H, phường V, Quận 3, Thành phố H; địa chỉ Chi nhánh: Ấp 8, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước; người đại diện: Ông Đ, sinh năm 1984, chức vụ: Giám đốc.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Hoàng H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Hồng L và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ L quan bà Quách Thị Kim Hồng, tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Cuối năm 2017, bà Phạm Hồng L, bà Quách Kim H và ông Nguyễn Hoàng H có nhận chuyển nhượng chung thửa đất số 209, tờ bản đồ 06, diện tích 7,73 ha tại ấp 8, xã An Khương, huyện H, tỉnh Bình Phước. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 06050 ngày 09/02/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp theo tỷ lệ sau: Phạm Hồng L 50%; tương đương 3,86 ha, Quách Kim H: 25% đất tương đương 1,93 ha, Nguyễn Hoàng H 25% tương đương 1,93 ha.

Cả 3 đã thỏa thuận hợp tác và thống nhất đầu tư trang trại trồng chanh, bưởi xuất khẩu đi Hà Lan và góp tiền đầu tư theo tỷ lệ quyền sử dụng đất của mỗi người.

Giai đoạn 1: Kiến tạo vườn trồng với chi phí 2.102.814.000 đồng. Cả 3 bên đã chuyển tiền nhờ bà Châu Thị Bích H đứng ra quản lý dự án, thực hiện thu, chi.

Giai đoạn 2: Chăm sóc vườn trồng từ 2018 đến 2020.

Qua giai đoạn 2, ông H không đồng ý góp tiền đầu tư nữa và muốn bà L, bà H đóng cửa trang trại để bán đất. Bà L và bà H không đồng ý vì các bên đã thỏa thuận đầu tư trang trại lâu dài, đã bỏ ra số tiền lớn (hơn 2 tỷ đồng), không thể bỏ vườn thành bãi cỏ hoang. Do ông H không góp tiền để chăm sóc, phát triển vườn trồng, huy động vốn nên bà L, bà H phải xoay sở hợp tác Công ty TNHH A để chi phí chăm sóc vườn trồng từ đầu năm 2018 đến nay.

Cho đến ngày 31/12/2020, tổng chi phí vườn trồng là: năm 2018: 1.613.095.964 đồng; năm 2019: 2.347.847.291 đồng; năm 2020: 1.737.360.900 đồng; tổng cộng: 5.698.303.252 đồng.

Đến tháng 01/2021, do ông H không hợp tác nên bà L, bà H đã chia thửa đất 209 đã được tách thành 3 thửa gồm: Thửa đất số 919, diện tích 19.346,5 m² đứng tên ông Nguyễn Hoàng H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 270262 số vào sổ CS 07338 ngày 07/01/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp; Thửa đất số 920, diện tích 38.684,9 m² đứng tên bà Phạm Hồng L theo

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 270264 số vào sổ CS 07337 ngày 07/01/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp; Thửa đất số 921, diện tích 19.342,3 m² đứng tên bà Quách Kim H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 270263 số vào sổ CS 07336 ngày 07/01/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp.

Sau khi tách thửa bà L, bà H đã thảo luận với ông H về chi phí vườn trồng trong 3 năm các bên đã đầu tư và đề nghị ông H góp $\frac{1}{4}$ chi phí này nhưng ông H không đồng ý. Như vậy, toàn bộ chi phí trồng cây, chăm sóc cây trên phần đất của ông H được quyền sở hữu và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 919, diện tích 19.346,5m² từ năm 2017 đến nay có toàn bộ tài sản của bà L, bà H. Tại thời điểm tách thửa đất năm 2020, bà L, bà H có tranh chấp với ông H và theo biên bản thẩm định của Tòa án nhân dân huyện H vào tháng 3/2020, trên đất của ông H có: 156 cây bưởi, 28 cây ổi, 1508 cây chanh, toàn bộ cây trồng 04 năm tuổi. Tuy nhiên, đến tháng 12/2021 thời điểm Tòa án nhân dân huyện H thụ lý giải quyết vụ án này, khi đi thẩm định lại trên đất chỉ còn 1018 cây chanh, 80 cây bưởi, 17 cây ổi. Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Hoàng H trả lại cho bà L, bà H tiền chi phí mà bà L, bà H đầu tư trên phần đất của ông H là 1.184.573.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu còn lại là đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông H trả lại giá trị cây trồng trên đất cho bà L, bà H với số tài sản trên đất xác định vào tháng 3/2020 gồm: 156 cây bưởi, 28 cây ổi, 1508 cây chanh với giá thời điểm hiện nay. Tổng số tiền yêu cầu là 360.432.000 đồng.

Ngoài ra, bà L không có yêu cầu gì khác.

+ *Bị đơn ông Nguyễn Hoàng H trình bày:*

Ông và bà Phạm Hồng L không có quan hệ họ hàng hay mâu thuẫn gì. Ông thống nhất với lời trình bày của bà L về quá trình mua đất, chia tỷ lệ đất. Tuy nhiên, số người chung mua đất lúc đầu là 4 người gồm ông H, bà L, bà Hồng, bà H với tỷ lệ mỗi người 25% (theo ông H thì bà L đứng tên hộ bà H trên sổ đất theo thỏa thuận riêng). Sau đó, các bên đã thống nhất miệng với nhau: Đầu tư trồng chanh, bưởi hữu cơ (không sử dụng bất kỳ loại thuốc hay phân hóa học nào) để sử dụng và xuất khẩu sang Hà Lan, sử dụng diện tích khoảng 7000 m² để trồng cây ăn trái, đào ao thả cá, sửa nhà hiện hữu... làm khu nghỉ dưỡng cho các gia đình góp vốn. Mỗi người sẽ góp thêm khoảng 400 đến 500 triệu đồng, cộng với tiền bán cây cao su trên đất (khoảng 100 triệu đồng) để đầu tư, sau đó sẽ có nguồn thu từ vườn đủ để trả các chi phí tiếp theo cho vườn trồng. Các cổ đông sẽ chuyển tiền cho bà H. Giao cho bà H chịu trách nhiệm quản lý, triển khai dự án theo các hạng mục, quy hoạch các cổ đông đã cùng nhau thống nhất bao gồm: đào ao, xây dựng hệ thống đường đi, cấp nước cho vườn, trồng và chăm sóc cây chanh, bưởi, làm cổng, sửa lại nhà cũ trên đất. Nếu còn dư tiền đã đóng góp thì sẽ cùng nhau trao đổi làm

các công việc tiếp theo bà H có trách nhiệm cung cấp báo cáo tài chính thu chi cho các thành viên hàng tháng. Tuy nhiên, bà H không làm đúng trách nhiệm được giao. Cụ thể:

- + Không có báo cáo tài chính hàng tháng;
- + Không để ý chăm sóc cây cối dẫn đến cây phát triển rất kém và chết nhiều;
- + Tự ý xây thêm nhà cấp 4 ở cuối vườn trong khi vườn cây chưa được trồng xong;

+ Giá mua các thiết bị, cây trồng cao so với mặt bằng chung của thị trường....

- Đến năm 2019 bà H báo hết tiền và yêu cầu các thành viên đóng thêm tiền. Ông H đã có ý kiến là cần có buổi họp chung của tất cả các thành viên để thống nhất đưa ra các quyết định chung. Nhưng bà H đưa ra bảng thống kê thu chi hoàn toàn không rõ ràng, không chi tiết nên không sử dụng được. Ông H cũng đã nói rõ với bà H và bà L là ông sẽ không đóng thêm tiền ít nhất cho đến khi cuộc họp được thực hiện và việc thu chi khoản tiền đã đóng góp phải được giải trình rõ ràng.

- Một thời gian sau, chính bà L thấy kết quả của dự án quá tệ, tiền vốn góp bị thất thoát và không rõ ràng nên hay xuống vườn hơn. Khi đó bà L tự ý có những việc làm sai trái đối với tài sản chung như sau:

+ Xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp 2 nhà yếm với quy mô 3 tấm, diện tích khoảng 100 m² và 200 m². Việc này đã phá hỏng mục đích xây dựng đây là nơi nghỉ dưỡng của các gia đình đã thống nhất ban đầu;

+ Xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp 1 nhà ở diện tích khoảng 100m²;

+ Kêu gọi hợp tác đầu tư với Công ty TNHH A (là công ty do con bà L làm chủ), hợp tác đầu tư xây dựng nhà yếm với ông Trần Hữu Phước trên tài sản chung mà không lấy ý kiến và có sự đồng ý của ông;

+ Xây dựng không theo quy hoạch chung đã thống nhất.

- Năm 2019 ông H tố cáo bà L việc xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp sở hữu chung và bà L đã có đơn kiện ông H ra Tòa án nhân dân huyện H đòi tiền đầu tư trên đất và đòi chia đất. Sau đó, cũng chính bà L xin rút lại việc đòi tiền đầu tư trên đất và xin ông H đồng ý hòa giải để rút được đơn khởi kiện. Vụ án kết thúc, ông H cũng ủy quyền cho bà L để đi làm thủ tục tách thửa đất thành nhiều thửa thuộc quyền sử dụng riêng của mỗi người. Đến ngày 25/2/2021 ông H, mới lấy được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông từ bà L.

- Giữa tháng 5/2021 ông H nhận được giấy triệu tập của Tòa. Theo ông H, có thể bà L đã gửi đơn kiện ông trước ngày trả sổ đất cho ông.

Quan điểm của ông H là chỉ thỏa thuận miệng với bà L, bà H, bà H góp vốn đầu tư trên đất với tổng cả 4 người khoảng 2 tỷ đồng. Ông không có bất kỳ thỏa

thuận nào với bà L để bà L bỏ tiền ra trồng chăm sóc cây và sau này ông đóng góp. Trong vụ kiện trước, bà L cũng có nói đã tự ý bỏ tiền ra chăm sóc vườn trồng nhưng không theo phương pháp hữu cơ. Vì vậy, ông thấy không có cơ sở nào để bà L khởi kiện ông theo các nội dung đã đưa ra.

Hơn nữa, theo biên bản hòa giải ngày 14/5/2020 do chính TAND huyện H lập đã ghi nhận bà L đã thống nhất: “...*giao thửa 209-01 diện tích 19346,5 m² trong đó có 50 m² thổ cư và tài sản trên đất cho anh Nguyễn Hoàng H sử dụng...*”, “...*Đối với yêu cầu ông H phải trả chi phí đầu tư...tôi rút yêu cầu này*” và các bên cũng đã thống nhất “...*giao thửa đất số 209-01 diện tích 19342,4 m² trong đó có 50 m² đất thổ cư và tài sản trên đất cho ông Nguyễn Hoàng H quản lý và sử dụng...*”. Nay bà L khởi kiện ông H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L.

+ *Người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH A 320 là ông Đ trình bày:*

Thông nhất phần trình bày của bà L, ông là Giám đốc Công ty TNHH A thực hiện việc chăm sóc cây mà các bên đang tranh chấp, về chi phí đầu tư vườn trồng như bà L trình bày là đúng, ông chỉ ký kết hợp đồng hợp tác với bà L, bà Hồng, không có ký với ông H. Trong vụ kiện này ông không có ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước tuyên xử:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Hồng L đối với ông Nguyễn Hoàng H về việc tranh chấp hợp đồng hợp tác.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Hồng L đối với ông Nguyễn Hoàng H về việc đòi lại giá trị tài sản là chi phí đầu tư, chăm sóc và thành quả lao động gắn liền với quyền sử dụng đất.

Buộc ông Nguyễn Hoàng H phải trả lại cho bà Phạm Hồng L và bà Quách Kim H tổng số tiền là 192.580.000đ (một trăm chín mươi hai triệu, năm trăm tám mươi ngàn đồng)

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05/10/2022 bị đơn ông Nguyễn Hoàng H có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Hồng L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các bên đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hoàng H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Hồng L và ông Nguyễn Hoàng H thống nhất vào năm 2017, ông H, bà L và bà Quách Kim H có đóng góp tiền cùng nhau nhận chuyển nhượng thửa đất số 209, diện tích 7,73ha tại xã An Khương, huyện H, Bình Phước để cùng trồng chanh, bưởi xuất khẩu.

[2] Sau khi cùng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì bà L, ông H, bà Hùng thống nhất giao cho bà Châu Thị Bích H đứng ra quản lý vườn trồng và cùng đầu tư chung. Bà L và ông H cùng thừa nhận số tiền ban đầu đã đóng góp là 2.102.814.000 đồng chia đều cho 4 người gồm bà L, ông H, bà H và bà H. Toàn bộ số tiền này do bà H giữ và thu chi. Do tin tưởng nhau nên các bên không lập thành văn bản thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ của các bên khi cùng đầu tư, hợp tác.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bà L cho rằng số tiền các bên đóng góp ban đầu đã chi hết cho kiến thiết cơ bản, còn toàn bộ cây trồng và chi phí cây trồng sau khi kiến thiết cơ bản do bà L, bà H bỏ ra. Tuy nhiên, theo bản kê chi phí đợt 1 cho vườn trồng bà L cung cấp (bl 35, 36), ông H không thừa nhận số tiền chi phí này, hơn nữa trong đó có cả tiền cây giống, phân bón, vật tư dùng cho việc trồng, chăm sóc cây. Bà L thừa nhận, sau khi kiến thiết đợt 1, ông H không chấp nhận tiếp tục bỏ tiền ra đầu tư tiếp. Ông H thì nêu lý do không đầu tư tiếp vì bà L, bà H chi tiêu không rõ ràng, mua vật tư, phân bón giá cao, cây phát triển kém, bà L tự ý thuê công ty của con bà chăm sóc vườn cây, tự ý xây nhà yến mà không trao đổi thống nhất với ông. Bà L thừa nhận từ sau khi bà Châu Thị Bích H không còn hợp tác thì từ năm 2018 bà và bà H bỏ tiền ra đầu tư, ông H không góp nữa, nhưng do cây đã trồng không thể bỏ mặc không chăm sóc.

[4] Do có tranh chấp với nhau về việc đầu tư chung nên ông H và bà L, bà H thỏa thuận tách thửa đất chung của các bên, theo đó thửa đất số 209 của các bên được tách thửa chia cho ông H. Cụ thể phần đất tách ra ông H được nhận là 19.346,5m² thuộc thửa đất số 909, tờ bản đồ số 6, tại ấp 8, xã An Khương, huyện H. Theo biên bản xem xét tại chỗ ngày 14/5/2020 do Tòa án nhân dân huyện H tiến hành thì trên phần đất dự kiến phân chia cho ông H 19.3456,5m² đã có 1508 cây chanh, 156 cây bưởi, 28 cây ổi 02 năm tuổi (bl 171). Tuy nhiên, ngày 30/12/2021 Tòa án nhân dân huyện H xem xét thực tế lại thì trên đất chỉ còn 1018 cây chanh,

17 cây ổi, và 80 cây bưởi. Thời điểm này bà L và ông H đang tranh chấp nên cây trồng chỉ do bà L, bà H thuê người chăm sóc.

[5] Như vậy bà L thừa nhận, sau khi chi hết số tiền hơn 2 tỷ đồng các bên đóng góp thì bà tự ý tiếp tục đầu tư chăm sóc cây trồng, trong đó có cây trồng trên phần đất của ông H được chia sau này. Theo bản chi phí bà L cung cấp thì khoản tiền hơn 2 tỷ đồng các bên góp có chỉ một phần để mua cây giống, vật tư và phân bón và công chăm sóc. Như vậy trong số cây trồng trên đất của ông H đã có phần tiền ông H góp trong đó. Tại phiên tòa phúc thẩm (12/4/2023) bà L và ông H đều thừa nhận. Sau khi chia đất thì bà L, bà H đã trả lại cho ông H 250.000.000 đồng do công trình các bên đầu tư chủ yếu nằm trên phần đất của bà L, bà Hồng, trong khi số tiền ông H góp ban đầu trên 500 triệu đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chưa tính toán số tiền ông H góp chung ban đầu để đầu tư (trong đó có cây trồng) mà xác định toàn bộ cây trồng trên phần đất của ông H thuộc về bà L và bà H là không chính xác. Hơn nữa, đầu tư sau này bà L tự ý làm, không được ông H thừa nhận và cũng không có sổ sách chi tiêu rõ ràng nên không xác định được trách nhiệm của ông H trong đó.

[6] Từ những phân tích trên, xét thấy việc kháng cáo của bị đơn là có căn cứ, cần sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Hồng L không được chấp nhận nhưng bà L là người cao tuổi nên bà L không phải chịu.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của ông H được chấp nhận nên ông H không phải chịu.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước là chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hoàng H.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g, khoản 1, Điều 40, điểm d, Điều 40 khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 3, 116, 117, 160 và 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Hồng L về việc buộc ông Nguyễn Hoàng H phải trả cho bà Phạm Thị HL và bà Quách Thị Kim H360.343.000 đồng giá trị tài sản là chi phí đầu tư, chăm sóc và thành quả lao động gắn liền với quyền sử dụng đất trên thửa đất số 919, tờ bản đồ số 6, tại ấp 8, xã An Khương, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Án phí dân sự sơ thẩm: bà Phạm Hồng L được miễn.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Hoàng H không phải chịu. Trả lại ông Nguyễn Hoàng H 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014183 ngày 20/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tiến Hiệp